TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 05-7-2019
V/v tranh chấp HNGĐ
Ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH ĐỒNG THÁP

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Võ Thị Ngọc Minh;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hồ Thị Mai Hương

2. Ông Phạm Phước Tâm

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Hồ Tấn Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 05 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 283/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2019 về việc: *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 67/2019/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Dương Thị Th, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Ấp Nguyễn Cử, xã Nh, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Trần Văn V, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Ấp Bình Dân, xã Nh, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm chị Dương Thị Th là nguyên đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Th và anh V có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nh, huyện C, tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 23/8/2011. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Thời gian sau, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, cự cãi do anh V thường xuyên uống rượu và có hành vi bạo lực với chị Th. Chị Th đã

nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh V vẫn không sửa đổi. Hiện nay, chị Th và anh V không còn chung sống với nhau. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên chị Th yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn V.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Thị Lan A, sinh ngày 19/9/2009. Hiện nay, con chung Trần Thị Lan A đang sống cùng mẹ. Khi ly hôn, chị Th yêu cầu được nuôi con chung tên Trần Thị Lan A, yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

-Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết.

-Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai và cũng không cho ai nợ.

Bị đơn là anh Trần Văn V đã được tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án và được triệu tập xét xử hợp lệ, biết nội dung yêu cầu khởi kiện của chị Th nhưng không có ý kiến, không tham gia hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ do đương sự cung cấp gồm:

- 01 Giấy khai sinh tên Trần Thị Lan A, sinh ngày 19/9/2009 (Photo chứng thực);

- 01 Giấy chứng nhận kết hôn (Bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Dương Thị Th có đơn yêu cầu được ly hôn, nuôi con chung với anh Trần Văn V. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là *"Tranh chấp hôn nhân gia đình - ly hôn, nuôi con"*.

Anh Trần Văn V là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ tại huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Trần Văn V là bị đơn trong vụ kiện nhưng anh V vẫn cố tình vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến gì về việc xin ly hôn của chị Th. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh V là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Th, anh V chung với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nh, huyện C, tỉnh Đồng Tháp vào năm 2011, do đó hôn nhân giữa chị Th và anh V là hợp pháp.

Chị Th trình bày thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian sau, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, cự cãi do anh V thường xuyên uống rượu và có hành vi bạo lực với chị Th. Chị Th đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh V vẫn không sửa đổi. Vợ chồng đã sống ly thân khoảng 02 năm nay. Trong thời gian ly thân anh V không có ý sửa đổi tính tình và cũng không có ý hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên chị Th yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn V.

Khi giải quyết vụ kiện, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập anh Trần Văn V tham gia phiên hòa giải, phiên tòa nhưng anh V vắng mặt không có lý do cũng như không có ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của chị Th. Xét thấy giữa chị Th và anh V không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Như vậy, mục đích hôn nhân của chị Th và anh V không đạt được. Nay chị Th yêu cầu ly hôn với anh V là có căn cứ để chấp nhận.

Từ những căn cứ nêu trên đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa chị Th và anh V đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Th.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Thị Lan A, sinh ngày 19/9/2009. Khi ly hôn, chị Th yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung Trần Thị Lan A, yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con bằng ½ tháng lương cơ sở, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 7/2019 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 7 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con "* và khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình có quy định: *" ...2. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con"*.

Căn cứ vào bản tự khai ngày 07/6/2019, cháu Trần Thị Lan A có nguyện vọng được sống với chị Th. Hiện nay, cháu Lan A đang do chị Th nuôi dưỡng, chăm sóc, cho ăn học đầy đủ. Do đó, giao con chung tên Trần Thị Lan A, sinh ngày 19/9/2009 cho chị Th được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và anh V phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng bằng số tiền ½ tháng lương cơ sở tương ứng với thời gian thi hành án, thời gian cấp dưỡng được tính bắt đầu từ tháng 7/2019 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

Anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Chị Th trình bày không có, anh V không có ý kiến gì về tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Chị Th trình bày không thiếu nợ ai và cũng không cho ai nợ, anh V không có ý kiến gì về nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Dương Thị Th phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và anh Trần Văn V phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của chị Dương Thị Th.

- Về hôn nhân: Chị Dương Thị Th được ly hôn với anh Trần Văn V.

- Về con chung: Chị Dương Thị Th được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Trần Thị Lan A, sinh ngày 19/9/2009. Anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng bằng số tiền ½ tháng lương cơ sở tương ứng với thời gian thi hành án, thời gian cấp dưỡng được tính bắt đầu từ tháng 7/2019 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

Anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Dương Thị Th phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006678 ngày 10 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Anh Trần Văn V phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án

mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Toà án Tỉnh;
- Lưu: HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Ngọc Minh